

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 12 - 6 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng.

Ông Trần Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xét xử số 3, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Thanh C; địa chỉ trước khi xuất cảnh: khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ hiện nay: G-DO. CHANGWON-SI UICHANG-GU.PAYRONG-RO 412 BEONGIL 16. Land no: Payryong – dong 83-2. Zip: 51378 (Hàn Quốc).

- Bị đơn: Chị Trần Thị S; địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Khánh T - Văn phòng luật sư T1 và Cộng sự; địa chỉ: E L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Lê Hoài N, sinh ngày 21/10/2004; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Lê Thanh C trình bày:

Anh C và chị Trần Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là Thị trấn C), huyện V, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10-12/4/04, quyển số 08 ngày 12/4/2004 của UBND xã V (nay là thị trấn C), huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Trong khoảng thời gian đầu anh C và chị S chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung. Nhưng về sau cuộc sống của anh C không còn hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay đã 10 năm, vợ chồng không sống chung đã lâu, không tôn trọng và không thể cùng chia sẻ những vấn đề của cuộc sống, không có tiếng nói chung, làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trở nên trầm trọng.

Suốt thời gian qua, dù ở xa nhưng bản thân anh C đã cố hàn gắn để giữ gìn tổ ấm nhưng đều không mang lại kết quả. Mặc dù, đã được 02 gia đình nội ngoại khuyên bảo, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị giải quyết cho anh Lê Thanh C được ly hôn với chị Trần Thị S.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Lê Hoài N, sinh ngày: 21/10/2004 và cháu Lê Trần Linh C1, sinh ngày: 01/4/2012.

Sau khi ly hôn, anh C đồng ý để chị Trần Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Linh C1, sinh ngày 01/4/2012.

Đối với cháu Lê Hoài N, sinh ngày 21/10/2004. Hiện cháu N đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng: Sau khi ly hôn, anh C tự nguyện cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con cho đến khi cháu Lê Trần Linh C1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được Thông báo số 01/2024/TB-TL ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thụ lý bổ sung vụ án theo yêu cầu của bị đơn là chị Trần S, anh C thống nhất với yêu cầu của chị Trần Thị S được thể hiện tại Thông báo, cụ thể:

Anh C thống nhất đề nghị Tòa án xem xét, giao cho chị Trần Thị S được quyền sử dụng, sở hữu nhà và đất tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 2 (QH), diện tích 371m² do UBND huyện V cấp Giấy CNQSD đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 703178

ngày 25/01/2008 tại địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị và thửa đất số 353, tờ bản đồ số 7, diện tích 250m² do UBND huyện V cấp Giấy CNQSD đất và tài sản khác gắn liền với đất có CT 905498 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Anh C được quyền sử dụng thửa đất số 286, tờ bản đồ số 7, diện tích 250m² do UBND huyện V cấp Giấy CNQSD đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905496 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 7, diện tích 250m² do UBND huyện V cấp Giấy CNQSD đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT905497 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị. 02 bên không bù trừ chênh lệch giá.

2. Tại văn bản trình bày ý kiến bị đơn chị Trần Thị S trình bày:

Chị S và anh Lê Thanh C kết hôn vào năm 2004. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây, vợ chồng chị S thường phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, đời sống chung không thể kéo dài nên Chị S đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh C.

Về tình cảm: Chị S đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị S có 02 người con chung là cháu Lê Hoài N, sinh ngày: 21/10/2004 và cháu Lê Trần Linh C1 sinh ngày: 01/4/2012, cả 02 cháu hiện đang ở cùng Chị S. Cháu Lê Hoài N đã trưởng thành, chị S đồng ý với nguyện vọng của anh C là giao cháu C1 cho chị S nuôi dưỡng chăm sóc, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C1 trưởng thành.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị S và anh C tạo lập được khối tài sản chung như sau:

- Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905496 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị, mang tên Lê Thanh C và Trần Thị S. Trị giá: 100.000.000 đồng.

- Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905497 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị, mang tên Lê Thanh C và Trần Thị S. Trị giá: 100.000.000 đồng

- Thửa đất số 353, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905498 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị, mang tên Lê Thanh C và Trần Thị S. Trị giá: 100.000.000 đồng.

- Nhà và đất tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 2(OH), do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 703178 ngày 25/01/2008 tại địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, mang tên Lê Thanh C và Trần Thị S. Trị giá: 200.000.000 đồng.

Chị S có nguyện vọng như sau:

- Giao cho chị S được quyền sử dụng, sở hữu nhà và đất tại thửa đất số 542, bản đồ số 2(QH), diện tích 371.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 703178 ngày 25/01/2008 tại địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị và Thửa đất số 353, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905498 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Giao cho anh C được quyền sử dụng thửa đất số 286, tờ bản đồ số 7, đất tại thửa đất số 542 diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905496 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị, và Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905497 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Hai bên không bù trừ chênh lệch giá.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

3. Tại văn bản trình bày ý kiến người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoài N trình bày:

Về tài sản là Nhà và đất tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 2(QH), diện tích 371.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 703178 ngày 25/01/2008 tại địa chỉ: Thôn A - xã V - huyện V - tỉnh Quảng Trị, mang tên hộ ông Lê Thanh C và bà Trần Thị S. Mặc dù anh N là thành viên của Hộ gia đình, tuy nhiên thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh N còn mới 4 tuổi, không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hộ gia đình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Về nội dung: Áp dụng Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 59, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử:

Về hôn nhân: Cho anh Lê Thanh C được ly hôn chị Trần Thị S.

Về con chung: Giao cháu Lê Trần Linh C1, sinh ngày: 01/4/2012 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Giao cho chị S được quyền sử dụng, sở hữu: Nhà và đất tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 2 (QH), diện tích 371 m² được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số AC 703178 ngày 25/01/2008 cấp cho hộ ông C và bà S, cấp đổi GCNQSD đất số CX 923735 thành thửa đất số 92, tờ bản đồ số 09, diện tích 358,6 m² ngày 14/5/2021 cấp cho hộ anh C và chị S và Thửa đất số 353, tờ bản đồ số 7, diện tích 250 m² được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số CT 905498 ngày 24/11/2020 cấp cho anh C và chị S, tổng trị giá 1.421.423.300 đồng.

Giao cho anh C được quyền sử dụng: Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 7, diện tích 250 m² được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số CT 905496 ngày 24/11/2020 cấp cho anh C và chị S và Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 7, diện tích 250 m² được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số CT 905497 ngày 24/11/2020 cấp cho anh C và chị S tổng trị giá là 1.375.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Anh C, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 53.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị S phải chịu 54.732.699 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Thanh C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị S. Hiện tại nguyên đơn có địa chỉ và cư trú ở nước ngoài (Hàn Quốc) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Quảng Trị.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

[2]. Về người tham gia tố tụng: Đối với anh Lê Hoài N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Thấy rằng, thửa đất số 542, tờ bản đồ số 2 (QH), diện tích 371.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 703178 ngày 25/01/2008, mang tên hộ ông Lê Thanh C và bà Trần Thị S (*cấp đổi GCNQSD đất số CX 923735 thành thửa đất số 92, tờ bản đồ số 09, diện tích 358,6 m² ngày 14/5/2021 cấp cho hộ anh C và chị*

S). Mặc dù, anh N là thành viên của hộ gia đình, tuy nhiên thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh N còn mới 04 tuổi, chưa có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hộ gia đình. Như vậy, chị Trần Thị S yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 2 (QH), diện tích 371.0m² không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Hoài N.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Hoài N vắng mặt lần thứ hai và đã được cấp tổng đạt văn bản tố tụng. Mặt khác, các đương sự trong vụ án đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS 2015 xét xử vắng mặt anh Lê Hoài N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị S tự nguyện đăng ký kết hôn đăng ký kết hôn tại UBND xã V (N là Thị trấn C), huyện V, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10-12/4/04, quyền số 08 ngày 12/4/2004 của UBND xã V (nay là thị trấn C), huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Theo anh C trình bày: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh C thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án được giải quyết cho được ly hôn với chị S. Chị Trần Thị S trình bày: Cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị S đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh C.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Lê Thanh C được ly hôn với chị Trần Thị S.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh C có 02 con chung là các cháu: Lê Hoài N, sinh ngày: 21/10/2004 và Lê Trần Linh C1, sinh ngày: 01/4/2012.

Sau khi ly hôn, anh C đồng ý để chị Trần Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Linh C1, sinh ngày 01/4/2012. Về cấp dưỡng: Anh C tự nguyện cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con cho đến khi cháu Lê Trần Linh C1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đối với cháu Lê Hoài N, sinh ngày 21/10/2004, hiện cháu N đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Trần Thị S đồng ý với yêu cầu của anh C về con chung.

Thấy rằng, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con cái là của bố, mẹ. Tuy nhiên, hiện nay anh C đang ở nước ngoài, chị S đang ở Việt Nam và đồng ý với yêu cầu của anh C. Vì vậy, cần giao cháu Lê Trần Linh C1, sinh ngày 01/4/2012 cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh C phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con cho đến khi cháu Lê Trần Linh C1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị S và anh C tạo lập được khối tài sản chung như sau:

- Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905496 ngày 24/11/2020. Giá trị quyền sử dụng đất: 750.000.000 đồng.

- Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905497 ngày 24/11/2020. Giá trị quyền sử dụng đất: 625.000.000 đồng.

- Thửa đất số 353, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905498 ngày 24/11/2020. Giá trị quyền sử dụng đất: **625.000.000 đồng.**

- Nhà và đất tại thửa đất số 542, tờ bản đồ số 2(OH), do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 703178 ngày 25/01/2008 (cấp đổi GCNQSD đất số CX 923735 thành thửa đất số 92, tờ bản đồ số 09, diện tích 358,6 m² ngày 14/5/2021 cấp cho hộ anh C và chị S). Giá trị quyền sử dụng đất: **526.423.300 đồng. Giá trị nhà trên đất là: 270.000.000 đồng**

Chị S có nguyện vọng: Giao cho chị Trần Thị S được quyền sử dụng, sở hữu nhà và đất tại thửa số 542 bản đồ số 2(QH), diện tích 371.0m² (nay thửa đất số 92, tờ bản đồ số 09, diện tích 358,6 m²) và thửa đất số 353, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m².

Giao cho anh Lê Thanh C được quyền sử dụng thửa đất số 286, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m², hai bên không bù trừ chênh lệch giá.

Tại văn bản trình bày ý kiến bị đơn anh Lê Thanh C thống nhất như yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Trần Thị S và đề nghị Tòa án xem xét. Thấy rằng, yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị S là có căn cứ, anh Lê Thanh C đồng ý nên cần chấp nhận chia tài sản chung theo nguyện vọng của các đương sự.

Về nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Lê Thanh C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thanh C phải chịu án phí dân sự về việc chia tài sản chung trên phần giá trị tài sản được hưởng: 1.375.000.000 đồng tương ứng số tiền án phí phải chịu là 53.250.000 đồng.

Chị Trần Thị S phải chịu án phí dân sự về việc chia tài sản chung trên phần giá trị tài sản được hưởng: 1.421.423.300 đồng tương ứng số tiền án phí phải chịu là 54.642.300 đồng

[7]. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Thanh C và chị Trần Thị S phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 5.139.000đồng/người (10.278.000 đồng : 2). Do chị S là nộp tạm ứng số tiền trên nên anh Lê Thanh C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị S số tiền 5.139.000đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thanh C.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh C được ly hôn với chị Trần Thị S.
- Về con chung: Giao cháu cháu Lê Trần Linh C1, sinh ngày 01/4/2012 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Thanh C phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trần Linh C1, sinh ngày 01/4/2012 số tiền 3.000.000đồng/tháng thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu C1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Chấp nhận yêu cầu về việc chia tài sản chung của bị đơn chị Trần Thị S:

- Giao cho chị Trần Thị S được quyền sử dụng, sở hữu nhà và bản đồ số 2(QH), diện tích 371.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số AC 703178 ngày 25/01/2008 (cấp đổi GCNQSD đất số CX 923735 thành thửa đất số 92, tờ bản đồ số 09, diện tích 358,6 m² ngày 14/5/2021 cấp cho hộ anh C và chị S) tại địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị và Thửa đất số 353, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905498 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Giao cho anh Lê Thanh C được quyền sử dụng thửa đất số 286, tờ bản đồ số 7, đất tại thửa đất số 542 diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905496 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị, và Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 7, diện tích 250.0m² do Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905497 ngày 24/11/2020 tại địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí: Anh Lê Thanh C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con; án phí dân sự về việc chia tài sản chung là: 53.250.000 đồng. Nhưng được trừ đi 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 000048 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh C còn phải tiếp tục nộp số tiền 53.550.000 đồng

Chị Trần Thị S phải chịu án phí dân sự về việc chia tài sản chung là: 54.642.300 đồng. Nhưng được trừ đi 12.000.000 đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 000148 ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị S còn phải tiếp tục nộp số tiền 42.642.300 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Thanh C và chị Trần Thị S phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mỗi người là: 5.139.000đồng. Do chị S là nộp tạm

ứng số tiền trên nên anh Lê Thanh C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị S số tiền 5.139.000đồng. Chị S đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Cục THADS tỉnh Q.Trị;
- UBND tt Cửa Tùng;
- Tổ HCTP;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Văn Thảng

Trần Văn Tuyền

Nguyễn Văn Trung

